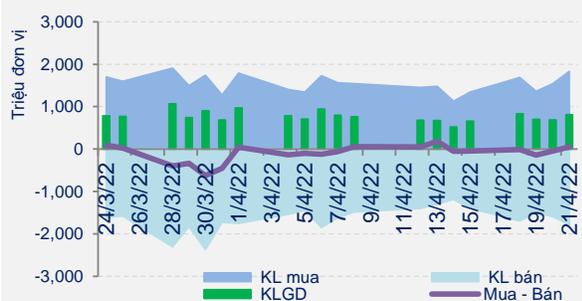
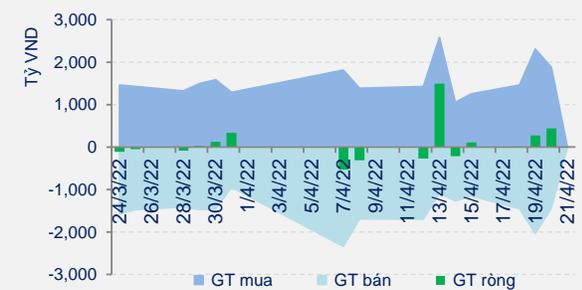


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/4/2022

| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,370.21 | 366.61 |
| % Thay đổi | ↓ -1.05% | ↓ -3.53% |
| KLGD (CP) | 810,673,733 | 111,775,991 |
| GTGD (tỷ đồng) | 23,787.01 | 2,615.64 |
| Tổng cung (CP) | 1,782,461,500 | 157,650,600 |
| Tổng cầu (CP) | 1,834,400,100 | 114,355,200 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------|-----------|
| KL bán (CP) | - | 1,224,200 |
| KL mua (CP) | - | 895,900 |
| GT mua (tỷ đồng) | - | 19.89 |
| GT bán (tỷ đồng) | - | 37.40 |
| GT ròng (tỷ đồng) | - | (17.51) |

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE

TOP CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX


DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Phiên đảo hạn hợp đồng tương lai VN30 tháng 4/2022 đã diễn ra tương đối "khốc liệt" đối với các nhà đầu tư với diễn biến giảm mạnh vào phiên sáng, hồi phục vào đầu giờ chiều nhưng lại giảm trở lại trong phiên ATC trước áp lực bán tăng vọt trong phút cuối phiên giao dịch.

Kết phiên VN-Index giảm 14,51 điểm (-1,05%) xuống 1.370,21 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 311 mã giảm (92 mã giảm sàn), 58 mã tham chiếu, 132 mã tăng (8 mã tăng trần). HNX-Index giảm 13,43 điểm (-3,53%) xuống 366,61 điểm. Độ rộng là tiêu cực với 189 mã giảm (63 mã giảm sàn), 39 mã tham chiếu, 47 mã tăng (5 mã tăng trần).

Thanh khoản khớp lệnh được cải thiện so với phiên trước đó với giá trị giao dịch đạt 24.441 tỷ đồng trên hai sàn tương ứng với khối lượng giao dịch là 864 triệu cổ phiếu. Sau 2 phiên liên tiếp thấp hơn trung bình thì thanh khoản phiên hôm nay đã vượt qua được mức trung bình 20 phiên gần nhất.

Các cổ phiếu vốn hóa vừa và nhỏ chịu áp lực bán mạnh khiến cho nhiều nhóm ngành giảm rất mạnh, có thể kể đến nhóm bất động sản với DIG (-6,9%), NLG (-7%), KBC (-7%), CII (-7%), ITA (-6,9%), CEO (-10%)...

Nhóm xây dựng và vật liệu với HBC (-6,9%), LCG (-6,9%), FCN (-6,9%), SZC (-6,9%), TCD (-6,9%), L14 (-10%)...

Nhóm dầu khí cũng bị bán rất mạnh và đồng loạt giảm sàn như PVS (-9,9%), PVD (-6,9%), PVC (-9,7%), PVB (-9,8%), PSH (-6,8%), PVO (-14,6%)...

Nhóm cổ phiếu chứng khoán có sự phân hóa với bên tăng giá là VND (+6,8%), SSI (+2,4%), HCM (+3,3%), VCI (+3,4%)... và bên giảm là các mã như SHS (-0,5%), VIX (-2,5%), SBS (-10,3%)...

Cổ phiếu ngân hàng giao dịch khá tích cực trong phiên hôm nay với sắc xanh chiếm đa số với VPB (+0,9%), TCB (+1,3%), MBB (+1,7%), STB (+0,4%), CTG (+1%), LPB (+1,6%)... nhưng cũng là không đủ sức để cứu thị trường thoát khỏi một phiên "đổ lửa".

Khối ngoại mua ròng trên HOSE với giá trị ròng 934,96 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 33,8 triệu cổ phiếu. VRE là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 71,1 tỷ đồng. Tiếp theo là VNM với 56,8 tỷ đồng và NLG với 48,9 tỷ đồng. Ở chiều ngược lại, cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là VHM với 63,2 tỷ đồng. Tiếp theo là DPM với 60,6 tỷ đồng.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/4/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index



VN-Index giảm điểm trong phiên thứ 6 liên tiếp với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với hai phiên giảm trước đó và hiện cao hơn mức trung bình 20 phiên gần nhất. Kết hợp với mẫu hình nến trong phiên hôm nay là dạng con xoay (spinning top) thì có thể thấy là bên mua và bên bán đã có sự giằng co quyết liệt ở vùng giá hiện tại.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8%) và một khi chỉ số này vẫn giữ được ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2%) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm khá mạnh hôm nay (-1,05%) thì VN-Index đã có động thái test lại ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2%) và bật lên từ đây cho thấy lực cầu bắt đáy vẫn đang xuất hiện ở các ngưỡng hỗ trợ giúp chỉ số không rơi sâu. Có thể cần thêm những lần test tiếp theo để giúp thị trường xác lập vùng đáy của đợt điều chỉnh này.

Dự báo, trong phiên giao dịch cuối tuần 22/4, VN-Index vẫn có thể hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ quan trọng quanh 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,1% sóng 4) được giữ vững.

Tuy nhiên, trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index hoàn toàn có thể thủng ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm để bước vào sóng điều chỉnh a với target theo lý thuyết quanh ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng 5).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Vậy là VN-Index đã có phiên giảm thứ 6 liên tiếp, lần cuối mà chỉ số này giảm 6 phiên liên tiếp là vào cuối tháng 6/2020. Chỉ báo RSI (14) hiện chỉ ở mức 25 điểm, đây là mức quá bán (<30) xấp xỉ với đợt giảm tháng 7/2020 và thậm chí còn hơn cả mức quá bán vào tháng 1/2021 và tháng 7/2021.

Nhìn chung, nếu xét trên góc độ kỹ thuật thì xu hướng của VN-Index hiện đã suy yếu đáng kể so với thời gian trước đó và hiện tại chỉ còn một ngưỡng hỗ trợ kỹ thuật quan trọng nữa là 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,1% sóng 4) và nếu đánh mất ngưỡng này thì chỉ số VN-Index sẽ bước vào sóng điều chỉnh a với target 1.200 điểm (fibonacci retracement 31,8% sóng 5).

Tuy nhiên, nếu xét trên khía cạnh định giá thì P/E của VN-Index sau phiên hôm nay là khoảng 16 lần, xấp xỉ mức trung bình 5 năm. Trong khi đó, P/E của VN30 chỉ có 15,1 lần, thấp hơn mức trung bình 5 năm. Với mức định giá như trên, chúng tôi cho rằng khả năng thị trường giảm mạnh là khó có thể xảy ra và trong phiên giao dịch cuối tuần 22/4, VN-Index vẫn có thể hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ 1.350 điểm được giữ vững.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 21/4/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|--|
| | | | | | P/E | T.trường Doanh thu TTM | T.trường Lợi nhuận TTM | |
| CTR | 116.8 | 115-116 | 140 | 105 | 28.9 | 17.1% | 36.9% | Cổ phiếu đang bùng nổ vượt đỉnh, mua trong nền điều chỉnh |
| FPT | 112.0 | 113.5-114.5 | 150 | 102 | 23.4 | 19.5% | 22.6% | Cổ phiếu đang có đà tăng và tạo nền nhỏ, mua nếu bùng nổ tiếp |
| TDM | 40.8 | 41.5-42 | 50 | 37.5 | 12.4 | 8.1% | 90.0% | Cổ phiếu đang có đà tăng và điều chỉnh giảm, mua khi xu hướng tăng tiếp diễn |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|--------------------------|---------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------|--|
| 15/4/2022 | VSC | 47.3 | 42.5 | 53-55 | 40 | 11.29% | Vận động tốt, tiếp tục nắm giữ |
| 15/4/2022 | REE | 80.8 | 82 | 95-97 | 78 | -1.46% | Cổ phiếu suy yếu nhưng vẫn trong nền, tiếp tục nắm giữ |
| 15/4/2022 | GIL | 90.0 | 90.5 | 108-120 | 82 | -0.55% | Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn giữ nền, tiếp tục nắm giữ |
| 16/04/2022 | PTB | 117.0 | 127 | 145-150 | 120 | -7.87% | Bán cắt lỗ, dừng vị thế |
| 16/4/2022 | PNJ | 119.0 | 118.5 | 145-148 | 108 | 0.42% | Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn giữ nền, tiếp tục nắm giữ |
| 16/04/2022 | HAH | 105.9 | 101 | 125 - 130 | 95 | 4.85% | Cổ phiếu tiếp tục vận động tốt sau điểm mua, nắm giữ |
| 16/4/2022 | BIC | 35.0 | 34.7 | 40-42 | 32.5 | 0.86% | Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn giữ nền, tiếp tục nắm giữ |
| 17/4/2022 | DHC | 83.0 | 83.6 | 40-42 | 77 | -0.72% | Cổ phiếu điều chỉnh, vẫn giữ nền, tiếp tục nắm giữ |

TIN VÍ MÔ

Chính phủ yêu cầu rà soát danh mục các dự án tại chương trình phục hồi kinh tế

Văn phòng Chính phủ vừa có văn bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH-ĐT) truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về việc rà soát danh mục các dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

Cụ thể, Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ KH-ĐT chủ trì, phối hợp các cơ quan rà soát kỹ danh mục các nhiệm vụ, dự án để bảo đảm phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 43 của Quốc hội và danh mục nhiệm vụ, dự án đã báo cáo Quốc hội, kiên quyết bảo đảm nguyên tắc bố trí vốn có trọng tâm, trọng điểm, tập trung đầu tư vào một số dự án trọng điểm có sức lan tỏa và cấp bách để hoàn thành sớm, tạo ra không gian và động lực mới

Thương hiệu quốc gia Việt Nam được định giá 388 tỷ USD, tăng gần 22%

Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm vừa qua được định giá 388 tỷ USD, tăng gần 22% so với năm trước. Việt Nam tiếp tục duy trì vị trí 33 thế giới về giá trị thương hiệu quốc gia.

Thủ tướng lần thứ 4 trong tháng chỉ đạo đảm bảo an toàn thị trường tài chính, chứng khoán

Thủ tướng yêu cầu Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước yêu cầu doanh nghiệp công bố thông tin theo đúng quy định. Trường hợp phát hiện công bố thông tin không rõ ràng, không chính xác yêu cầu cải chính và xử lý nghiêm theo quy định. Chỉ tính riêng từ đầu tháng đến nay, Thủ tướng đã có 4 lần chỉ đạo về việc triển khai giải pháp ổn định thị trường tài chính, chứng khoán.

Công bố chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến 2030

Chính phủ vừa ban hành chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến 2030 với mục tiêu xuất khẩu hàng hóa tăng bình quân 6-7%/năm giai đoạn 2021-2030.

Chiến lược đặt mục tiêu tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, chế tạo xuất khẩu lên 88% tổng kim ngạch xuất khẩu vào 2025.

Hoạt động nhập khẩu dự kiến được điều chỉnh nhịp độ tăng trưởng, kiểm soát việc nhập khẩu các loại hàng hóa trong nước sản xuất được, hàng xa xỉ và hàng hóa không thiết yếu.

Việt Nam nhập siêu lớn trong nửa đầu tháng 4 do đặc thù

Trong kỳ 1 tháng 4, chỉ riêng mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện đã đạt giá trị nhập khẩu tới 3,86 tỷ USD, chiếm tới 22,8% trên tổng kim ngạch nhập khẩu.

Theo số liệu từ Tổng cục Hải quan, tổng trị giá xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam trong kỳ 1 tháng 4/2022 đạt 32,17 tỷ USD, giảm 12,3% so với kỳ trước đó.

TIN DOANH NGHIỆP

Bảo hiểm Quân đội (MIC):

Quý 1/2022 lợi nhuận tăng 82% cùng kỳ năm trước, năm 2022 tăng vốn 35%, tìm kiếm cổ đông chiến lược

Theo kế hoạch, MIC đặt chỉ tiêu doanh thu tăng trưởng tối thiểu 40%, lợi nhuận tăng trưởng tối thiểu 35%, tỷ lệ bồi thường 32% hướng đến mục tiêu TOP 4 về thị phần và hiệu quả trong ngành bảo hiểm phi nhân thọ.

Tổng giám đốc Gelex (GEX) Nguyễn Văn Tuấn đăng ký mua thêm 10 triệu cổ phiếu

Nếu giao dịch thành công, số cổ phiếu GEX thuộc sở hữu của ông Tuấn sẽ tăng từ 192,3 triệu cổ phiếu (tương ứng 22,58% cổ phần) lên 202,3 triệu cổ phiếu (tương ứng 23,75% cổ phần).

Louis Holdings và đơn vị thành viên đồng loạt thay Chủ tịch từ ngày 19/4

"Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của các công ty thành viên và Tập đoàn Louis Holdings vẫn diễn ra ổn định theo đúng kế hoạch, định hướng mà HĐQT đã đề ra. Các quyền lợi Khách hàng, cam kết với Đối tác được Louis Holdings đảm bảo theo đúng các nội dung đã tuyên bố, ký kết", phía Công ty cho hay.

SHS ghi nhận mức lợi nhuận gần 411 tỷ đồng cho quý I, tăng trưởng 21,6%

Trong quý I, tổng doanh thu hoạt động của SHS đạt 685 tỷ đồng, tăng trưởng 15,7% so với cùng kỳ. Trong đó, lãi gộp từ hoạt động đầu tư giảm nhẹ so với cùng kỳ và đạt mức 315,5 tỷ đồng, khi một số khoản đầu tư tự doanh trọng yếu của SHS ghi nhận tăng giá, nhưng tình hình thị trường biến động khó lường, đã tăng nhiều dòng chứng khoán đã chứng hoặc có xu hướng tạo đỉnh.

FPT lãi trước thuế quý I tăng 27%

Tập đoàn FPT ghi nhận doanh thu quý I đạt 9.730 tỷ đồng và 1.779 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, lần lượt tăng trưởng 28,3% và 27,4% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong 3 tháng đầu năm, công ty ghi nhận 7 dự án lớn với quy mô trên 5 triệu USD/dự án, tăng 75% so với cùng kỳ năm trước.

Hóa Chất Đức Giang lãi ròng quý I tăng 370% nhờ khai thác quặng apatit, gửi tiết kiệm gần 5.000 tỷ

Doanh thu thuần quý I tăng 86,5% so với cùng kỳ, đạt 3.634,4 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế gấp 5,1 lần, đạt 1.506,8 tỷ đồng. Biên lãi gộp tăng lên 46,9%.

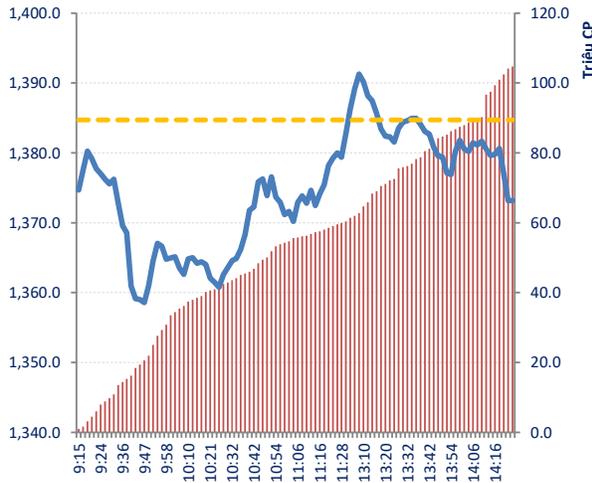
SSI lãi trước thuế quý I hơn 883 tỷ đồng, tăng 66,6%

Doanh thu hợp nhất quý I đạt hơn 2.068 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế hơn 883 tỷ đồng, tăng lần lượt 36,2% và 66,6% so với cùng kỳ 2021. SSI cũng vừa hoàn tất giải ngân hợp đồng vay vốn tín chấp từ nhóm các định chế tài chính nước ngoài trị giá 148 triệu USD.



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



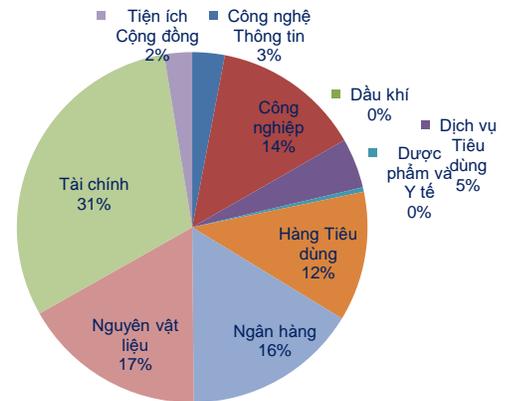
KLGD và HNX-Index trong phiên



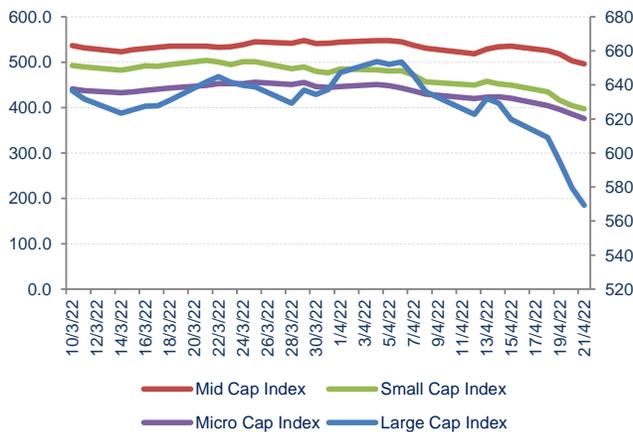
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



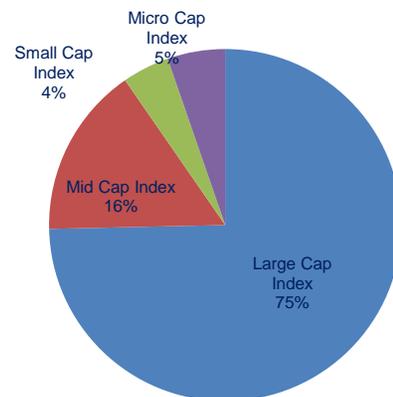
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|----------|-------------|----------|-------------|
| 1 | GEX | 2,671,400 | CII | 1,689,300 |
| 2 | STB | 2,342,100 | VHM | 926,600 |
| 3 | FUEVFNVD | 1,328,500 | FUESSVFL | 534,000 |
| 4 | HNG | 1,288,600 | DGC | 470,400 |
| 5 | HQC | 1,072,800 | DXG | 433,300 |

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | DL1 | 160,000 | SHS | 345,500 |
| 2 | PVI | 65,800 | PVC | 109,200 |
| 3 | BCC | 40,400 | PVS | 82,600 |
| 4 | TA9 | 39,600 | VCS | 66,400 |
| 5 | IVS | 30,200 | BVS | 51,400 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 16.90 | 16.20 | ↓ -4.14% | 30,722,600 |
| HDB | 25.75 | 24.90 | ↓ -3.30% | 27,968,827 |
| HAG | 10.10 | 10.10 | → 0.00% | 23,914,100 |
| ITA | 12.40 | 11.55 | ↓ -6.85% | 22,077,300 |
| GEX | 27.70 | 29.00 | ↑ 4.69% | 20,350,700 |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|----------|------------|
| PVS | 27.30 | 24.60 | ↓ -9.89% | 16,186,215 |
| SHS | 20.60 | 20.50 | ↓ -0.49% | 10,524,065 |
| HUT | 24.80 | 27.00 | ↑ 8.87% | 9,571,796 |
| KLF | 3.70 | 3.40 | ↓ -8.11% | 6,069,700 |
| IDC | 59.40 | 58.30 | ↓ -1.85% | 6,038,775 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| DTT | 13.65 | 14.60 | 0.95 | ↑ 6.96% |
| ACL | 31.00 | 33.15 | 2.15 | ↑ 6.94% |
| MIG | 28.25 | 30.20 | 1.95 | ↑ 6.90% |
| HU1 | 13.90 | 14.85 | 0.95 | ↑ 6.83% |
| VIS | 9.60 | 10.25 | 0.65 | ↑ 6.77% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|
| VE4 | 74.30 | 81.70 | 7.40 | ↑ 9.96% |
| VMS | 12.20 | 13.40 | 1.20 | ↑ 9.84% |
| POT | 28.50 | 31.30 | 2.80 | ↑ 9.82% |
| THS | 14.40 | 15.80 | 1.40 | ↑ 9.72% |
| VTC | 16.70 | 18.30 | 1.60 | ↑ 9.58% |

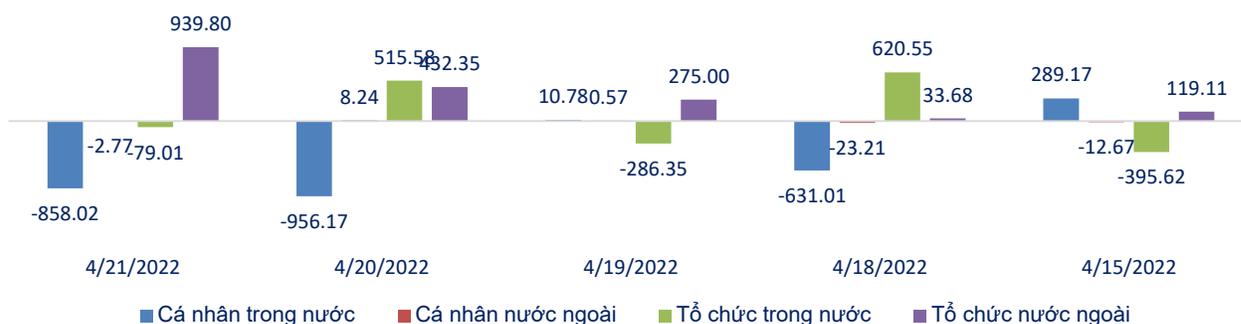
Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|
| VIP | 9.15 | 8.51 | -0.64 | ↓ -6.99% |
| TDC | 17.15 | 15.95 | -1.20 | ↓ -7.00% |
| PET | 60.00 | 55.80 | -4.20 | ↓ -7.00% |
| KMR | 6.29 | 5.85 | -0.44 | ↓ -7.00% |
| KBC | 45.00 | 41.85 | -3.15 | ↓ -7.00% |

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|--------|-----------|
| VC7 | 14.00 | 12.60 | -1.40 | ↓ -10.00% |
| ART | 5.00 | 4.50 | -0.50 | ↓ -10.00% |
| L14 | 246.00 | 221.40 | -24.60 | ↓ -10.00% |
| CMC | 11.00 | 9.90 | -1.10 | ↓ -10.00% |
| CEO | 47.00 | 42.30 | -4.70 | ↓ -10.00% |

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|------|-----|
| VHM | 98.48 | 35.2% | 8,991 | 7.4 | 2.2 |
| VPB | 90.70 | 16.9% | 2,642 | 13.3 | 1.8 |
| DPM | 77.28 | 32.9% | 7,965 | 8.8 | 2.6 |
| OCB | 38.94 | 22.5% | 2,772 | 8.4 | 1.2 |
| CII | 37.52 | -4.1% | (1,386) | - | 0.8 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KBC | -73.26 | 5.8% | 1,582 | 28.4 | 1.7 |
| VRE | -63.57 | 4.4% | 578 | 53.0 | 2.3 |
| NLG | -61.55 | 10.6% | 3,155 | 15.7 | 1.4 |
| VNM | -57.99 | 30.3% | 5,042 | 15.0 | 4.4 |
| GAS | -46.38 | 17.1% | 4,531 | 23.5 | 3.9 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 3.79 | 35.2% | 8,991 | 7.4 | 2.2 |
| PLX | 3.17 | 10.8% | 2,265 | 22.6 | 2.3 |
| CTG | 1.62 | 15.7% | 2,932 | 9.8 | 1.5 |
| DPM | 1.34 | 32.9% | 7,965 | 8.8 | 2.6 |
| GEX | 1.21 | 7.2% | 1,483 | 18.7 | 1.2 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| SKG | -6.13 | -4.3% | (558) | - | 1.6 |
| PVD | -5.03 | 0.1% | 46 | 581.2 | 0.8 |
| PC1 | -3.30 | 12.6% | 3,019 | 14.6 | 1.6 |
| CNG | -2.55 | 20.0% | 3,790 | 11.7 | 2.2 |
| HSG | -2.35 | 47.7% | 8,931 | 3.4 | 1.3 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| KBC | 42.38 | 5.8% | 1,582 | 28.4 | 1.7 |
| HSG | 36.17 | 47.7% | 8,931 | 3.4 | 1.3 |
| SAB | 32.25 | 16.8% | 5,734 | 30.0 | 4.9 |
| PNJ | 31.07 | 18.3% | 4,509 | 26.4 | 4.5 |
| VCB | 25.24 | 21.6% | 4,632 | 16.9 | 2.7 |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VPB | -90.70 | 16.9% | 2,642 | 13.3 | 1.8 |
| DXG | -45.61 | 10.3% | 1,937 | 17.3 | 1.5 |
| MIG | -37.59 | 13.6% | 1,565 | 18.0 | 2.4 |
| VHM | -34.85 | 35.2% | 8,991 | 7.4 | 2.2 |
| VHC | -29.31 | 25.8% | 8,343 | 12.8 | 3.0 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VRE | 70.46 | 4.4% | 578 | 53.0 | 2.3 |
| VNM | 56.53 | 30.3% | 5,042 | 15.0 | 4.4 |
| NLG | 48.80 | 10.6% | 3,155 | 15.7 | 1.4 |
| MSN | 45.98 | 25.4% | 6,055 | 20.5 | 3.5 |
| DXG | 44.35 | 10.3% | 1,937 | 17.3 | 1.5 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|---------|-----|-----|
| VHM | -67.42 | 35.2% | 8,991 | 7.4 | 2.2 |
| DPM | -61.76 | 32.9% | 7,965 | 8.8 | 2.6 |
| CII | -50.90 | -4.1% | (1,386) | - | 0.8 |
| OCB | -34.40 | 22.5% | 2,772 | 8.4 | 1.2 |
| HPG | -22.78 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|---------|-------|------|-----|
| SHB | 30,722,600 | 16.8% | 2,273 | 7.4 | 1.3 |
| HDB | 27,968,827 | 3250.0% | 3,030 | 8.5 | 1.7 |
| HAG | 23,914,100 | 2.8% | 219 | 46.1 | 2.0 |
| ITA | 22,077,300 | 2.4% | 279 | 44.5 | 1.1 |
| GEX | 20,350,700 | 7.2% | 1,483 | 18.7 | 1.2 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| PVS | 16,186,215 | 4.7% | 1,258 | 21.7 | 1.0 |
| SHS | 10,524,065 | 25.5% | 2,666 | 7.7 | 1.0 |
| HUT | 9,571,796 | 1.8% | 227 | 109.4 | 2.3 |
| KLF | 6,069,700 | 0.4% | 40 | 91.6 | 0.4 |
| IDC | 6,038,775 | 9.6% | 1,514 | 39.2 | 3.8 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|--------|---------|------|-----|
| DTT | ↑ 7.0% | 2.8% | 425 | 32.1 | 0.9 |
| ACL | ↑ 6.9% | 12.8% | 1,876 | 16.5 | 2.0 |
| MIG | ↑ 6.9% | 13.6% | 1,565 | 18.0 | 2.4 |
| HU1 | ↑ 6.8% | -2.5% | (385) | - | 1.0 |
| VIS | ↑ 6.8% | -28.6% | (1,793) | - | 1.8 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|------|-------|-------|-----|
| VE4 | ↑ 10.0% | 5.9% | 874 | 85.0 | 4.9 |
| VMS | ↑ 9.8% | 7.1% | 1,199 | 10.2 | 0.7 |
| POT | ↑ 9.8% | 4.0% | 682 | 41.8 | 1.7 |
| THS | ↑ 9.7% | 9.7% | 1,399 | 10.3 | 1.2 |
| VTC | ↑ 9.6% | 0.4% | 82 | 203.3 | 0.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|-----------|--------|---------|-------|-----|
| GEX | 2,671,400 | 7.2% | 1,483 | 18.7 | 1.2 |
| STB | 2,342,100 | 10.8% | 1,855 | 14.9 | 1.5 |
| FUEVFVND | 1,328,500 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| HNG | 1,288,600 | -15.3% | (1,010) | - | 1.0 |
| HQC | 1,072,800 | 0.1% | 9 | 634.3 | 0.6 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| DL1 | 160,000 | 3.1% | 344 | 21.2 | 0.6 |
| PVI | 65,800 | 11.2% | 3,722 | 14.3 | 1.7 |
| BCC | 40,400 | 4.0% | 685 | 25.0 | 1.0 |
| TA9 | 39,600 | 12.9% | 1,579 | 10.4 | 1.3 |
| IVS | 30,200 | 5.3% | 527 | 19.9 | 1.0 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 371,029 | 21.6% | 4,632 | 16.9 | 2.7 |
| VIC | 302,445 | -1.7% | (650) | - | 1.9 |
| VHM | 290,872 | 35.2% | 8,991 | 7.4 | 2.2 |
| GAS | 204,027 | 17.1% | 4,531 | 23.5 | 3.9 |
| HPG | 193,230 | 46.0% | 7,708 | 5.6 | 2.1 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|--------|----------|-----|
| THD | 48,475 | 21.8% | 2,805 | 49.4 | 7.7 |
| KSF | 32,250 | 9.0% | 1,373 | 78.3 | 5.4 |
| NVB | 22,105 | 0.0% | 3 | 12,634.6 | 3.7 |
| VCS | 18,176 | 40.6% | 11,096 | 10.2 | 3.7 |
| IDC | 17,820 | 9.6% | 1,514 | 39.2 | 3.8 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| LDG | 3.49 | 4.4% | 587 | 23.8 | 1.0 |
| KHP | 3.24 | 6.1% | 644 | 19.1 | 1.2 |
| PTC | 3.21 | 23.3% | 3,498 | 10.1 | 1.8 |
| PTL | 3.16 | 3.6% | 275 | 25.8 | 0.9 |
| CTS | 3.10 | 8.7% | 999 | 26.1 | 1.7 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|------|-----|-------|-----|
| PVL | 3.14 | 7.0% | 343 | 18.7 | 1.3 |
| ART | 3.03 | 3.0% | 350 | 14.3 | 0.4 |
| CEO | 2.94 | 2.7% | 362 | 129.8 | 3.4 |
| KLF | 2.56 | 0.4% | 40 | 91.6 | 0.4 |
| VC7 | 2.55 | 2.6% | 354 | 39.5 | 1.3 |



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
